

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **06/2020/HNGĐ-PT**

Ngày 27 - 02 - 2020

*V/v tranh chấp về chia tài sản
chung sau ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phương Đông

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang
Ông Vũ Hồng Luyện

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa
Ông Đào Văn Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số: 52/2019/TLPT- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp về chia tài sản chung sau ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 98/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2020/QĐPT- HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị L – sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp P, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Đinh Thị Thúy H – Luật sư của Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ. (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Trần Việt H - sinh năm 1966 (có mặt).
Địa chỉ: Số nhà 23/3, tổ 6, ấp P, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Trần Việt P - sinh năm 1996.
2. Anh Trần Thanh L – sinh năm 1999
3. Anh Trần Duy K – sinh năm 2005
4. Anh Trần Duy H – sinh năm 2005

Cùng địa chỉ: Tổ 6, ấp P, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ.

(Anh Trần Việt P, anh Trần Thanh L đã ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Võ Thị L theo văn bản ủy quyền ngày 25/10/2019. Bà Võ Thị L đồng thời cũng là người đại diện hợp pháp của con chưa thành niên là anh K, H).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2018, các bản tự khai, lời khai tại các biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày:

Năm 1989, bà và ông Trần Việt H chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Bà và ông có 04 con chung: Trần Việt P – sinh ngày 24/01/1996, Trần Thanh L – sinh ngày 12/02/1999, Trần Duy K – sinh ngày 08/8/2005 và Trần Duy H – sinh ngày 08/8/2005. Tài sản chung của vợ chồng gồm có:

Miếng đất rẫy xoài có diện tích 8.973m² gồm 03 thửa: 103, 104, 112 tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại ấp P, xã L đã được UBND huyện Đ cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 476356, AE 476357, AE 476355 đứng tên bà và ông H.

Miếng đất rẫy xoài và thổ cư có tổng diện tích 6.4773m² gồm 03 thửa: 64, 71, 79 tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại ấp P, xã L đã được UBND huyện Đ cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 476352, AE 476353, AE 476354.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 19/2016/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai đã xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà và ông H.

- Về con chung: Giao cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung chưa thành niên là Trần Thanh L – sinh ngày 12/02/1999, Trần Duy K – sinh ngày 08/8/2005 và Trần Duy H – sinh ngày 08/8/2005; ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Con chung Trần Việt P – sinh ngày 24/01/1996 đã thành niên nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông bà đã lập “Giấy thỏa thuận phân chia tài sản” ngày 11/4/2016, để tự phân chia tài sản chung như sau:

1/ Bà có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện Đ số tiền 20.000.000đ; được quyền quản lý, canh tác miếng đất vườn và các tài sản trên đất thuộc thửa 104, 112.

(Trong chu vi đất của bà quản lý còn có diện tích ao nước 347m² nhưng do không kiểm tra kỹ các giấy QSDĐ nên đã nhầm tưởng cái ao nước nằm chung trong hai thửa 104, 112 nên hai bên không đưa thông tin ao nước vào giấy thỏa thuận).

2/ Ông Trần Việt H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Đầu tư phát triển – Chi nhánh huyện Đ số tiền 35.000.000đ; được quyền quản lý, canh tác miếng đất vườn và các tài sản trên đất thuộc 03 thửa 64, 71, 79.

(Sau khi tự phân chia tài sản, bà và ông H đã trả nợ cho các Ngân hàng xong; đồng thời hai bên tự canh tác, đầu tư đất rẫy đã chia).

Quá trình canh tác đất và nuôi các con, ông H không thực hiện chuyển tên quyền sử dụng đất để bà đứng tên riêng; khi bà có nhu cầu thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền đầu tư làm rẫy cũng như chi phí nuôi các con ăn học thì ông H không đồng ý, gây khó khăn cho bà. Do đó, bà yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng như hai bên đã thỏa thuận tại giấy thỏa thuận phân chia tài sản ngày 11/4/2016; bà đồng ý bù chênh lệch tài sản cho ông H.

Qua đo đạc đất ngày 18/01/2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh huyện Đ thì bà mới biết trong chu vi đất bà đang sử dụng có diện tích đất ao nước 347m² đã được UBND huyện Đ cấp riêng thành thửa số 103 tờ bản đồ 29 loại đất nuôi trồng thủy sản.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/3/2019, bà yêu cầu Tòa án chia cho bà diện tích đất ao nước 347m² trong chu vi đất bà đang quản lý đã được UBND

huyện Đ cấp riêng thửa số 103 tờ bản đồ 29 loại đất nuôi trồng thủy sản theo giấy CNQSD đất số AE 476355 đứng tên bà và ông H.

Bà đồng ý với các Trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - chi nhánh Đ;

Bà đồng ý với Chứng thư thẩm định giá số 788/TĐG-CT ngày 04/4/2019 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đ. Tài sản riêng trên đất của bà có tổng trị giá 309.746.000đ, gồm: 120 xoài cát Hòa Lộc, 30 cây mít Thái, 30 cây chanh, 06 cây măng cầu, 04 cây na, 03 cây dâu da, 02 cây bơ, 03 cây ổi, 01 cây sơ ri, 01 cây Sapôchê, 01 căn nhà ở gia đình diện tích 95,95m².

Phần tài sản riêng trên đất của ông H là 120 cây bưởi da xanh có giá trị 4.800.000đ trồng trên thửa 79 tờ bản đồ số 29 do ông H đang canh tác.

- Tại bản tự khai ngày 25/12/2018, biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2018, các lời khai tiếp theo, bị đơn ông Trần Việt H trình bày:

Ông thống với lời trình bày của bà L về quá trình ly hôn, con chung và tài sản chung của vợ chồng đang quản lý.

Ông H đồng ý các tài sản riêng của bà L có tổng trị giá 309.746.000đ, gồm: 120 xoài cát Hòa Lộc, 30 cây mít Thái, 30 cây chanh, 06 cây măng cầu, 04 cây na, 03 cây dâu da, 02 cây bơ, 03 cây ổi, 01 cây sơ ri, 01 cây Sapôchê, 01 căn nhà ở gia đình diện tích 95,95m².

Phần tài sản riêng của ông là 120 cây bưởi da xanh có giá trị 4.800.000đ trồng trên thửa 79 tờ bản đồ số 29 do ông đang canh tác.

Ông đồng ý với kết quả đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh Đ và kết quả thẩm định giá tài sản tại chứng thư thẩm định giá số 788/TĐG-CT ngày 04/4/2019 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đ.

Tuy nhiên, ông không đồng ý với cách chia của bà L mà yêu cầu Tòa án chia đôi đất và tài sản trên đất của ông và bà L để hai bên đều được sử dụng đất tốt, đất xấu như nhau.

- Tại văn bản ý kiến ngày 18/01/2019, biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2019, anh Trần Việt P, anh Trần Thanh L thống nhất trình bày:

Các anh là con của bà Võ Thị L, ông Trần Việt H và các tài sản bà L đang tranh chấp là tài sản chung của cha mẹ; các anh không có công sức hình thành, bồi đắp làm tăng giá trị tài sản của cha, mẹ nên không yêu cầu gì. Các anh hiện đang ở chung nhà với mẹ và đồng ý với cách chia tài sản của mẹ để hai bên được ổn định

canh tác đất. Các anh không đồng ý với cách chia của cha vì như vậy là bất công cho mẹ và làm miếng đất bị chia nhỏ, manh mún, giảm giá trị đất.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 98/2019/HNGĐ-ST ngày 25/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai đã căn cứ:

Căn cứ khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 202, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L về việc chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn đối với ông Trần Việt H.

2/ Bà Võ Thị L được chia, sử dụng đất và sở hữu các tài sản trên đất:

- Diện tích 347m² đất nuôi trồng thủy sản thuộc thửa số 103 tờ bản đồ 29 tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ, đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 476355 đứng tên bà Võ Thị L và ông Trần Việt H.

- Diện tích 2.506m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 104 tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ, đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 476356 ngày 30/6/2006 đứng tên bà Võ Thị L và ông Trần Việt H.

- Diện tích 6.120m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 112 tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ, đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 476357 ngày 30/6/2006 đứng tên bà Võ Thị L và ông Trần Việt H.

Số liệu của các thửa đất đã được thể hiện tại bản Trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số 433 ngày 20/02/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - chi nhánh Đ.

3/ Ông Trần Việt H được chia, sử dụng đất và sở hữu các tài sản trên đất:

- Diện tích đất 865m² (trong đó có 300m² đất ở và 565m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 64 tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ, đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 476352 ngày 30/6/2006 đứng tên bà Võ Thị L và ông Trần Việt H.

- Diện tích đất 158m² đất nuôi trồng thủy sản thuộc thửa 71 tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ, đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 476353 ngày 30/6/2006 đứng tên bà Võ Thị L và ông Trần Việt H.

- Diện tích đất 5.454m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 79 tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ, đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 476354 ngày 30/6/2006 đứng tên bà Võ Thị L và ông Trần Việt H.

Số liệu của các thửa đất đã được thể hiện tại bản Trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số 432 ngày 20/02/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - chi nhánh Đ.

4/ Bà Võ Thị L và ông Trần Việt H có nghĩa vụ kê khai đăng ký lại quyền sử dụng đất tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5/ Bà Võ Thị L có nghĩa vụ bù chênh lệch cho ông Trần Việt H số tiền là 246.828.000đ.

6/ Chi phí tố tụng: ông Trần Việt H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Võ Thị L số tiền 10.653.500đ.

7/ Án phí chia tài sản: mỗi ông Hùng, bà Lương phải chịu 45.635.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/11/2019, bị đơn ông Trần Việt H có đơn kháng cáo đối với bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 98/2019/HNGĐ-ST ngày 25/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân chia đất, không đồng ý cách phân chia có bù phần chênh lệch của án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung kháng cáo: đề xuất áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tuyên giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm số 98/2019/HNGĐ-ST của tòa án nhân dân huyện Định Quán.

Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã phân tích, đánh giá các cơ sở của việc phân chia tài sản của cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản sơ thẩm để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Trần Việt H làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Trần Việt H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định:

[2.1] Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 19/2016/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai đã xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà và ông H.

Về con chung: Giao cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung chưa thành niên là Trần Thanh L – sinh ngày 12/02/1999, Trần Duy K – sinh ngày 08/8/2005 và Trần Duy H – sinh ngày 08/8/2005; ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Con chung Trần Việt P – sinh ngày 24/01/1996 đã thành niên nên không xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông bà đã lập “Giấy thỏa thuận phân chia tài sản” ngày 11/4/2016, để tự phân chia tài sản chung như sau:

1/ Bà có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện Đ số tiền 20.000.000đ; được quyền quản lý, canh tác miếng đất vườn và các tài sản trên đất thuộc thửa 104, 112.

Trong chu vi đất của bà quản lý còn có diện tích ao nước 347m² nhưng do không kiểm tra kỹ các giấy QSDĐ nên đã nhầm tưởng cái ao nước nằm chung trong hai thửa 104, 112 nên hai bên không đưa thông tin ao nước vào giấy thỏa thuận.

2/ Ông Trần Việt H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Đầu tư phát triển – Chi nhánh huyện Đ số tiền 35.000.000đ; được quyền quản lý, canh tác miếng đất vườn và các tài sản trên đất thuộc 03 thửa 64, 71, 79.

Sau khi tự phân chia tài sản, bà và ông Hùng đã trả nợ cho các Ngân hàng xong; đồng thời hai bên tự canh tác, đầu tư đất rẫy đã chia.

[2.2] Về nguồn gốc tài sản và quá trình sử dụng (tài sản chung của vợ chồng):

Qua thu thập các hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh huyện Đ thể hiện: Toàn bộ diện tích đất 15.450m² gồm 06 thửa: Thửa đất số 64 diện tích 865m², Thửa đất số 71 diện tích 158m², Thửa đất số 79 diện tích 5454m², Thửa đất số 104 diện tích 2506m², Thửa đất số 112 diện tích 6120m², Thửa đất số 103 diện tích 347m²,

Các thửa đất đều cùng tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại ấp P, xã L. Ngày 30/6/2006 Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần lượt số: AE 476352, AE 476353, AE 476354, AE 476356, AE 476357, AE 476355;

Nguồn gốc tài sản là của ông Trần Việt H và bà Võ Thị L tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung hợp pháp.

Tại giấy thỏa thuận phân chia tài sản ngày 11/4/2016, bà L và ông H đã tự phân chia đất; đồng thời hai bên tự quản lý, canh tác cho đến nay nhưng hai bên không thực hiện chuyển tên quyền sử dụng đất để mỗi người đứng tên phần đất đang sử dụng.

[2.3] Xét yêu cầu chia tài sản chung của bà Võ Thị L và ông Trần Việt H:

Việc bà L xin chia tài sản chung sau khi ly hôn là quyền được quy định tại Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 219 Bộ luật dân sự 2015. Xét “Giấy thỏa thuận phân chia tài sản” ngày 11/4/2016 giữa bà L và ông H thì thấy rằng:

Các đương sự đã tự phân chia, sử dụng tài sản chung của vợ chồng từ năm 2016 nhưng vẫn bản thỏa thuận không được công chứng, chứng thực, không làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất theo quy định. Trên thực tế, sau khi tự phân chia tài sản thì ông Hùng, bà Lương đã quản lý, sử dụng ổn định phần đất của mình và đầu tư mới trên đất, cụ thể:

- Bà L sử dụng đất tại 03 thửa 103, 104, 112 tờ bản đồ số 29 trên thực địa là miếng đất vườn có hàng rào vây bọc. Trên phần đất được chia, bà L đã gìn giữ đất và các cây trồng trên đất, đồng thời trồng thêm 120 xoài cát Hòa Lộc, 30 cây mít

Thái, 30 cây chanh, 06 cây măng cầu, 04 cây na, 03 cây dâu da, 02 cây bơ, 03 cây ổi, 01 cây sơ ri, 01 cây Sápôchê. Không những vậy, bà L còn xây dựng được một căn nhà cấp 4 diện tích 95,95m² để làm nơi ở cùng các con.

- Ông H sử dụng đất tại 03 thửa 64, 71, 79 tờ bản đồ số 29 nhưng cũng là miếng đất ở, đất rẫy liền ranh. Sau khi nhận đất, ông H không trực tiếp canh tác đất mà bán xoài lá cho người khác. Năm 2018, ông H trực tiếp canh tác đất, cưa bỏ xoài để trồng thay 120 cây bưởi Da xanh. Ngoài ra, ông H còn đầu tư thêm hệ thống tưới nước tiết kiệm cho vườn bưởi của mình.

Do đó, cấp sơ thẩm xác định : nếu giao đất để các bên được tiếp tục canh tác sẽ thuận lợi cho các đương sự trong việc ổn định canh tác, gìn giữ tài sản và được hưởng thành quả lao động do chính công sức mình tạo ra là có cơ sở.

Đối với việc chia đôi từng miếng đất theo yêu cầu của ông H sẽ dẫn đến việc mỗi bên phải đầu tư mới hệ thống giếng nước, điện thắp và phục vụ tưới nước, nhà chứa nông cụ, hàng rào phân ranh... Những điều này sẽ làm giảm công năng, giá trị sử dụng đất. Không những vậy, bà L là nữ đang phải nuôi các con nhỏ và khoảng cách giữa phần đất bà L sử dụng với đất ông H sử dụng là trên 300m nên việc chia nhỏ đất còn gây bất tiện trong việc quản lý, trông coi, gìn giữ tài sản. Do đó, ý kiến về cách chia đất của ông H không được cấp sơ thẩm chấp nhận.

Theo Chứng thư thì các tài sản riêng do bà L tự tạo lập sau khi ly thân và ly hôn có giá trị là 309.746.000đ, tài sản riêng của ông H là 4.800.000đ. Nếu trừ giá trị tài sản riêng thì tài sản chung bà L đang quản lý có giá trị là 1.368.004.000đ; tài sản chung ông H đang quản lý là 874.348.000đ; tổng giá trị tài sản chung là 2.242.352.000đ nên mỗi người được chia ½ tài sản bằng 1.121.176.000đ.

Ông H đang trực tiếp sử dụng các thửa đất số 64, 71, 79, cùng tờ bản đồ số 29 – xã L nên tiếp tục giao các thửa đất này cho ông H sử dụng.

Bà L đang trực tiếp sử dụng các thửa đất số 103, 104, 112 tờ bản đồ số 29 – xã L nên tiếp tục giao các thửa đất này cho bà Lương sử dụng.

Tài sản chung do bà L đang quản lý có giá trị lớn hơn tài sản chung do ông H đang quản lý là: 1.368.004.000đ - 874.348.000đ = 493.656.000. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L bù giá trị chênh lệch cho ông Hùng là 246.828.000đ. Các tài sản riêng của bà L, ông Hùng gắn với từng phần đất đang do hai bên quản lý và việc chia tài sản chung không làm thay đổi quyền quản lý tài sản riêng nên Tòa án không đặt ra xem xét, xử lý tài sản riêng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Trần Việt H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình: Trên cơ sở quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Trần Việt H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm (ông Trần Việt H đã nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002657 ngày 17/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

[4] Đối với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã được Hội đồng xét xử thể hiện quan điểm như trên đã phân tích.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận Đơn kháng cáo của ông Trần Việt H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 202, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L về việc chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn đối với ông Trần Việt Hùng.

2/ Bà Võ Thị L được chia, sử dụng đất và sở hữu các tài sản trên đất:

- Diện tích 347m² đất nuôi trồng thủy sản thuộc thửa số 103 tờ bản đồ 29 tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ, đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 476355 đứng tên bà Võ Thị L và ông Trần Việt H.

- Diện tích 2.506m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 104 tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ, đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 476356 ngày 30/6/2006 đứng tên bà Võ Thị L và ông Trần Việt H.

- Diện tích 6.120m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 112 tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ, đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 476357 ngày 30/6/2006 đứng tên bà Võ Thị L và ông Trần Việt H.

Số liệu của các thửa đất đã được thể hiện tại bản Trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số 433 ngày 20/02/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - chi nhánh Đ.

3/ Ông Trần Việt Hùng được chia, sử dụng đất và sở hữu các tài sản trên đất:

- Diện tích đất 865m² (trong đó có 300m² đất ở và 565m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 64 tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ, đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 476352 ngày 30/6/2006 đứng tên bà Võ Thị L và ông Trần Việt H.

- Diện tích đất 158m² đất nuôi trồng thủy sản thuộc thửa 71 tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ, đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 476353 ngày 30/6/2006 đứng tên bà Võ Thị L và ông Trần Việt H.

- Diện tích đất 5.454m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 79 tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện Đ, tỉnh Đ, đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 476354 ngày 30/6/2006 đứng tên bà Võ Thị L và ông Trần Việt H.

Số liệu của các thửa đất đã được thể hiện tại bản Trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số 432 ngày 20/02/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - chi nhánh Đ.

4/ Bà Võ Thị L và ông Trần Việt H có nghĩa vụ kê khai đăng ký lại quyền sử dụng đất tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5/ Bà Võ Thị L có nghĩa vụ bù chênh lệch cho ông Trần Việt H số tiền là 246.828.000đ (hai trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng).

6/ Chi phí tố tụng: ông Trần Việt H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Võ Thị L số tiền 10.653.500đ (mười triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng).

7/ Án phí chia tài sản: mỗi ông H, bà L phải chịu 45.635.000đ (bốn mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

8/ Về án phí dân sự phúc thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình: Ông Trần Việt H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm (ông Trần

Việt H đã nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002657 ngày 17/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 của Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Ủy ban nhân dân xã La Ngà;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Phương Đông